

Bản án số: 05/2026/HS-PT
Ngày 25-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Khánh Vân
Bà Hoàng Hải Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Vân - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2026/TLPT-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo Phan Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lào Cai.

- Bị cáo có kháng cáo: Phan Thanh T; sinh ngày 20/3/1982 tại tỉnh Lào Cai; Số CCCD số 015082002438 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 01/5/2021; Là đảng viên Đ (đã bị xóa tên đảng viên theo Quyết định số 245-QĐ/ĐU ngày 02/12/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh L).

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai; nơi ở: Tổ dân phố T, phường Á, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh C và bà Nguyễn Thị Thanh H; có vợ là Nguyễn Thị H1 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ 07/8/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh L; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 2 năm 2015, bà Nguyễn Thị N đến nhà bà Nguyễn Thị Thanh H là đồng nghiệp chơi. Tại đây, bà N gặp Phan Thanh T (con trai bà H).

Bà N nói với T về việc con dâu là Phạm Thị Bích H2, học ngành y ra trường, có nhu cầu muốn xin vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Y (nay là Bệnh viện Đ1, tỉnh Lào Cai). T nói mình đang công tác tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Y (cũ), có nhiều mối quan hệ, có thể giúp xin biên chế viên chức cho H2 là con dâu bà N vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Y (Bệnh viện Đ1, tỉnh Lào Cai). T yêu cầu bà N chuẩn bị trước số tiền 50.000.000 đồng đưa cho T để làm hồ sơ và thủ tục xin việc trước, số tiền còn lại khi nào xin được việc thì T sẽ báo lại sau. Do tin tưởng T có thể xin việc được cho H2 nên ngày 14/02/2015, bà N cùng con trai là Phạm Đức T1, đến nhà Phan Thanh T gặp và đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng. Nhận tiền, T tự viết 01 “Giấy vay tiền”, thể hiện nội dung T vay của bà N cho số tiền 50.000.000 đồng, để cho bà N tin tưởng giao tiền cho T. T bảo bà N về chuẩn bị thêm tiền, đến khi có đợt thi tuyển, T sẽ làm hồ sơ cho chị H2 được biên chế vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Y (Bệnh viện Đ1, tỉnh Lào Cai). Sau đó, bà N nhiều lần gọi cho T thì T nói đến tháng 12/2016 sẽ có đợt thi tuyển công chức, viên chức. T yêu cầu bà N đưa thêm cho T số tiền 50.000.000 đồng để T lo việc cho H2. Ngày 05/11/2016, T gọi cho bà N chuẩn bị tiền rồi đến nhà bà N. Tại đây, bà N đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng. T viết 01 “Giấy vay tiền”, nội dung thể hiện T vay bà N số tiền 50.000.000 đồng (tổng cộng 02 lần nhận tiền = 100.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền từ bà N, T sử dụng để chi tiêu cá nhân hết, không liên hệ với bất kỳ ai để xin việc cho H2 như đã hứa hẹn.

Cùng với thủ đoạn nêu trên, vào khoảng cuối năm 2017, T đọc được thông tin trên cổng thông tin điện tử của huyện Y, tỉnh Yên Bái (cũ) về việc huyện Y cần tuyển thêm biên chế giáo viên cho các trường trên địa bàn huyện. Do có mối quan hệ từ trước với bà Lương Thị L, T đã nói với bà L là mình có khả năng xin được biên chế giáo viên vào các trường tại huyện Y, nếu bà L có ai thì giới thiệu cho T. Sau đó, Bà L đã giới thiệu T cho bà Trần Thị H3, gặp T tại nhà bà L. Khi gặp T, bà H3 nhờ T xin việc cho con gái là Trần Thị Lan A được tuyển dụng biên chế chuyên ngành giáo viên mầm non, làm việc tại các trường trong huyện Y. T nói chi phí để xin được biên chế cho chị Lan A là 190.000.000 đồng, hiện đang có đợt thi tuyển, nếu bà H3 đồng ý thì về chuẩn bị tiền T sẽ xin giúp. Do tin tưởng T đang công tác tại Cơ quan nhà nước, nhiều mối quan hệ, có khả năng xin được biên chế cho con gái mình nên bà H3 đã 04 lần đưa tiền cho T với tổng số tiền là 170.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần thứ 1: Ngày 27/11/2017, tại nhà bà L, bà H3 đã đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng, nhận được tiền T đã viết 01 “Giấy vay tiền”, đưa cho bà H3;

Lần thứ 2: Ngày 30/11/2017, tại nhà bà L, bà H3 đã đưa cho T số tiền 80.000.000 đồng, nhận được tiền T đã viết 01 “Giấy vay tiền”, đưa cho bà H3;

Lần thứ 3: Ngày 04/12/2017, bà H3 đã đưa cho T số tiền 60.000.000 đồng tại nhà bà H3, nhận được tiền T đã viết 01 “Giấy vay tiền”, đưa cho bà H3;

Lần thứ 4: Khoảng tháng 05/2018, bà H3 đưa cho T số tiền 10.000.000 đồng, nhận được tiền T và bà H3 thống nhất sửa số tiền 20.000.000 đồng đã viết trong “Giấy vay tiền”, vào ngày 27/11/2017 thành số tiền 30.000.000 đồng. Sau

khi nhận tổng số tiền 170.000.000 đồng từ bà H3, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không liên hệ với ai để xin việc cho chị Lan A con gái bà H3.

Sau đó, T bỏ số điện thoại của mình để không ai liên hệ được, rồi bỏ trốn đi Hà Nội làm công việc tự do, trốn tránh việc trả lại tiền cho bà Trần Thị H3 và bà Nguyễn Thị N.

Ngày 09/7/2018, bà Trần Thị H3 đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Y (nay là Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L) tố giác hành vi của Phan Thanh T. Ngày 27/8/2018, bà Nguyễn Thị N đã đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Y (nay là Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L) tố giác hành vi của Phan Thanh T. Quá trình xác minh, không xác định được Phan Thanh T đang ở đâu nên không đấu tranh làm rõ được, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y và thành phố Y đã tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm. Khi giải thể Công an cấp huyện, 02 hồ sơ vụ việc được chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L để tiếp tục giải quyết. Ngày 07/8/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã triệu tập được Phan Thanh T.

Kết luận giám định số: 691/KL-KTHS, ngày 14/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận: Chữ viết, chữ ký (trừ chữ viết, chữ ký họ tên dưới mục “Người cho vay tiền”) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; chữ viết, chữ ký (trừ chữ viết, chữ ký họ tên dưới mục “Người cho vay”) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3, A4; chữ viết, chữ ký (trừ chữ ký “Hào”, chữ viết “Trần Thị H3”) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ viết, chữ ký đề tên Phan Thanh T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người viết, ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lào Cai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ Điều 38, điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Thanh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2025. Phạt bổ sung 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí; tuyên quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án theo quy định.

Ngày 15/01/2026, bị cáo Phan Thanh T kháng cáo xin không áp dụng hình phạt bổ sung (miễn hình phạt bổ sung).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Phan Thanh T trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thanh T; Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lào Cai.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị giữ nguyên.

* Bị cáo Phan Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như bản án sơ thẩm đã xác định; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Thanh T trong hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản án sơ thẩm đã xác định, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và xem xét tại phiên tòa. Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở kết luận:

Từ năm 2015 đến năm 2016, tại tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai và tại tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai. Phan Thanh T 02 lần nhận của bà Nguyễn Thị N tổng số tiền 100.000.000 đồng để xin cho chị Phạm Thị Bích H2 (con dâu bà N) vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Y (nay là Bệnh viện Đ1, tỉnh Lào Cai).

Năm 2017, tại thôn Y, xã Y, tỉnh Lào Cai. Phan Thanh T 04 lần nhận của bà Trần Thị H3 tổng số tiền 170.000.000 đồng, để xin cho chị Trần Thị Lan A (con của bà Trần Thị H3) vào biên chế chuyên ngành giáo viên mầm non, làm việc tại các trường trong huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là xã Y, tỉnh Lào Cai).

Sau khi nhận tiền của bà Nguyễn Thị N và bà Trần Thị H3, Phan Thanh T không liên hệ với ai để xin việc như đã hứa hẹn, mà sử dụng chi tiêu cho cá nhân và bỏ trốn khỏi địa phương, trốn tránh việc trả lại tiền cho bà H3 và bà N. Tổng số tiền T chiếm đoạt của bà N và bà H3 là 270.000.000 đồng.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phan Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Phan Thanh T, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến

tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Vì vậy, việc xử lý nghiêm hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật là cần thiết.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù là có căn cứ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự với mức tiền phạt là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy năm 2018 bị cáo đã ly hôn với chị Nguyễn Thị H1 theo Bản án số 52/2018/HNGĐ-ST ngày 20/10/2018 và chấm dứt hợp đồng lao động với Trung tâm bệnh tật tỉnh Y (nay là tỉnh Lào Cai) theo quyết định số 241/QĐ-TTKSBT ngày 05/12/2018. Hiện nay bị cáo là lao động tự do, không nghề nghiệp ổn định, mặt khác theo biên bản xác minh tài sản ngày 16/9/2025 thì bị cáo không sở hữu, đứng tên chứng nhận tài sản gì. Tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị Thanh H (mẹ bị cáo) có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không tài sản gì nên xin miễn hình phạt bổ sung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thanh T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lào Cai theo hướng không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là không được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thanh T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lào Cai:

Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/8/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phan Thanh T.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Phan Thanh T không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT về Hình sự -TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Phòng HSNV CA tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1 - Lào Cai;
- TAND khu vực 1 - Lào Cai (2);
- Thi hành án DS tỉnh Lào Cai;
- Trại tạm giam số 2;
- Bị cáo (Trại TG số 2);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Chí Thiện